TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **73**/2020/DS-ST
Ngày: 16-04-2020
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Vân

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trần Phú Nhuận
2. Bà Nguyễn Thị Kim Dung

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Anh Thư

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 *tham gia phiên toà:*
Bà Lưu Thị Thúy Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 04 năm 2020 tại Tòa án nhân dân Quận 10 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 557/2019/TLST-DS ngày 17 tháng 12 năm 2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2020/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 03 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2020/QĐST-DS ngày 26 tháng 03 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn T**
Trụ sở: Đường M, phường N, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.
Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Chức vụ: Tổng giám đốc.
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Ngọc M (có đơn xin vắng mặt) (Văn bản ủy quyền số 1871/2019/UQ-TTT ngày 16/10/2019)

2. Bị đơn: Bà **Thái Nguyễn Huyền T** - sinh năm 1988 (vắng mặt)
Thường trú: đường X, Phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/10/2019 và quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Ngọc M là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 13/10/2011, bà Thái Nguyễn Huyền T có ký với Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn T (gọi tắt là Ngân hàng) hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng), hạn mức sử dụng là 10.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Cụ thể như sau:

Loại thẻ	Số thẻ	Số tài khoản thẻ	Hạn mức	Ngày ký hợp đồng (ngày cấp thẻ)	Lãi suất áp dụng
Visa	486265-6951	3778174478	10.000.000	13/10/2011	2.15%

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 50.953.819 đồng. Bà T đã thanh toán tổng số tiền 58.974.500 đồng.

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà T vẫn không thiện chí trả nợ. Do bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) nên ngày 23/04/2017 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn là 9.375.986 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời diểm hiện tại. Tạm tính đến ngày 16/04/2020 bà T còn thiếu số tiền là 20.362.096 đồng, cụ thể sau:

Loại thẻ	Số thẻ	Nợ gốc	Lãi quá hạn	Lãi suất áp dụng
Visa	486265-6951	9.375.986	10.986.110	3.225% (2.15%x150%)

Do đó, Ngân hàng đề nghị Tòa án buộc bà Thái Nguyễn Huyền T phải trả ngay cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn T tổng số tiền tạm tính đến ngày 16/04/2020 là 20.362.096 đồng, trong đó: nợ gốc là 9.375.986 đồng, nợ lãi quá hạn là 10.986.110 đồng và có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 17/04/2020 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Bị đơn: Bà Thái Nguyễn Huyền T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng bà T vẫn không đến Tòa làm việc nên không có ý kiến trình bày.

Tại phiên tòa hôm nay,

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Bị đơn vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các qui định của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đúng thẩm quyền, thời hiệu, quan hệ pháp luật tranh chấp. Những người tham gia tố tụng được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo qui định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào đơn khởi kiện và bản tự khai của nguyên đơn là phù hợp với chứng cứ có trong hồ sơ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định đây là vụ án dân sự về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín

dụng" theo quy định tại khoản 3 điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét thấy tại giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng do bà Thái Nguyễn Huyền T ký ngày 13/10/2011 thì các bên thỏa thuận địa chỉ của bị đơn là đường X, Phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10 theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/05/2017 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao.

[2] Về thủ tục tố tụng của Tòa án:

Xét người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Ngọc M có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn là bà Thái Nguyễn Huyền T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] Về yêu cầu đương sự:

Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy: Ngày 13/10/2011, bà Thái Nguyễn Huyền T có ký với Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn T hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng Visa số thẻ 486265-6951 (số tài khoản thẻ 3778174478) (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng), hạn mức sử dụng là 10.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 50.953.819 đồng. Bà T đã thanh toán tổng số tiền 58.974.500 đồng, số tiền này được trừ vào các loại tiền phí, tiền lãi là 17.396.667 đồng và tiền gốc giao dịch là 41.577.833 đồng. Nay, Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc bà Thái Nguyễn Huyền T phải trả ngay cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn T tổng số tiền tạm tính đến ngày 16/04/2020 là 20.362.096 đồng, trong đó: nợ gốc là 9.375.986 đồng, nợ lãi quá hạn là 10.986.110 đồng.

Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, để làm rõ số tiền hiện còn nợ và số tiền mà bị đơn đã thanh toán, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bà T đến Tòa để trình bày ý kiến của mình nhưng bà T vẫn vắng mặt xem như đã tự tước bỏ quyền cung cấp chứng cứ, quyền tự bảo vệ lợi ích của mình trước Tòa nên phải chịu hậu quả của việc không đưa ra được chứng cứ. Do đó, việc Ngân hàng tự nguyện khai báo về số tiền mà bà T đã thanh toán cho Ngân hàng cũng như số tiền hiện còn nợ là có thiện chí, phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[4] Về tiền lãi suất:

Xét thấy, tại giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng do bà T ký ngày 13/10/2011, bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn T, thông báo v/v thay đổi lãi suất và

phí phát hành nhanh của thẻ tín dụng quốc tế Sacombank thì giữa bà T và Ngân hàng thỏa thuận lãi suất là 2.15%/tháng, lãi suất quá hạn là 150% của lãi suất được công bố áp dụng tại thời điểm hiện tại. Căn cứ theo quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 thì việc thỏa thuận này phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[5] Về thời hạn thanh toán:

Do bà T vi phạm thời hạn trả nợ theo như thỏa thuận nên làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Ngân hàng. Do đó, việc Ngân hàng yêu cầu bà T phải thanh toán số tiền còn nợ ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn là bà Thái Nguyễn Huyền T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.018.105 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 471 và Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/05/2017 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao.

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Xét xử vắng mặt nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn T và bị đơn là bà Thái Nguyễn Huyền T.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn T.

Buộc bà Thái Nguyễn Huyền T phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn T tổng số tiền còn nợ là 20.362.096 đồng *(hai mươi triệu ba trăm sáu mươi hai ngàn không trăm chín mươi sáu đồng)*, trong đó: nợ gốc là 9.375.986 đồng *(chín triệu ba trăm bảy mươi lăm ngàn chín trăm tám mươi sáu đồng),* nợ lãi quá hạn tạm tính đến ngày 16/4/2020 là 10.986.110 đồng *(mười*

triệu chín trăm tám mươi sáu ngàn một trăm mười đồng) theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng do bà T ký ngày 13/10/2011 sử dụng thẻ Visa số thẻ 486265-6951(số tài khoản thẻ 3778174478).

Thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Việc giao nhận tiền được thực hiện tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Thái Nguyễn Huyền T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.018.105 đồng *(một triệu không trăm mười tám ngàn một trăm lẻ năm đồng)* và nộp tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 458.910 đồng *(bốn trăm năm mươi tám ngàn chín trăm mười đồng)* theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0014163 ngày 12/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Quyền kháng cáo:

Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn T và bà Thái Nguyễn Huyền T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND Quận 10;
- TAND Tp HCM;
- THADS Quận 10;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Thanh Vân